

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 86/2023/DS-PT

Ngày: 28-7-2023

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất
(ngõ đi chung)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tuấn

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Mai Hương

Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất (ngõ đi chung)”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Nam Định bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 108/2023/QĐXXPT-DS ngày 20 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1963. Trú tại: Xóm 2 (thôn H), xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định.

Đại diện uỷ quyền của ông V: Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1991 là con trai ông V.

Bị đơn: Ông Phạm Văn Ph, sinh năm 1961. Trú tại: Xóm 2 (thôn H), xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định.

Đại diện theo uỷ quyền của ông Ph: Anh Phạm Văn Tr2, sinh năm 1978. Trú tại: Thôn V, xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ph: Bà Phạm Thị N, Luật sư Văn phòng Luật sư M, Đoàn Luật sư tỉnh Nam Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị C, sinh năm 1964. Đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1963. Trú tại: Xóm 2 (thôn H), xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định.

- Bà Phạm Thị L, sinh năm 1962. Trú tại: Xóm 2 (thôn H), xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định.

- Ủy ban nhân dân xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định; Người đại diện: Ông Nguyễn Văn H- Chủ tịch UBND xã Tr1.

Tại phiên tòa: Ông V, anh Q, anh Tr2, bà N, bà C, bà L có mặt. Đại diện UBND xã Tr1 có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn trình bày, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C trình bày: Theo bản đồ địa chính năm 1985 và tờ bản đồ năm 1992 của xã Tr1, nguồn gốc thửa đất mang tên cụ Phạm Thị V1 thuộc số thửa 390 tờ bản đồ số 02 có tổng diện tích là 2009m². Năm 1996 sau khi khảo sát đo đạc lại và chuyển đổi mục đích sử dụng đất 2 lúa thành đất vườn, cụ Phạm Thị V1 đã chia tách đất cho vợ chồng ông V và vợ chồng ông V được cấp thêm đất chuyển đổi 236m², chung thửa 128 tờ bản đồ số 8 với cụ V1. Năm 1997 vợ chồng ông V và cụ V1 được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Cụ Phạm Thị V1 được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số hiệu M 392905 cấp ngày 13/12/1997 do UBND huyện Tr cấp có diện tích 715m² trong đó đất ở là 180m², đất vườn tạp là 535m². Ông bà V được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số hiệu M 392906 ngày cấp 13/12/1997 do UBND huyện Tr cấp, có diện tích 1530m² trong đó đất ở là 200m², đất vườn tạp là 1060m², ao nuôi cá là 270m². Tổng diện tích thửa 128 tờ bản đồ số 8 tên ông V và tên cụ V1 sử dụng là 2245m².

Tại biên bản hoà giải ngày 06/9/2022: Ông V xác định nguồn gốc diện tích đất gia đình ông đang sử dụng có từ đời cha ông để lại. Trước năm 1997 là khoảng đất trống không có ngõ đi trên diện tích đất nhà ông. Khi đó, gia đình ông R đi ngõ phía Đông. Sau khi ông R chết (khoảng năm 1998-2000) ông Ph và ông H chia đất của ông R sử dụng thì ông Ph đi nhờ qua phần đất trống của gia đình ông. Năm 2006, ông làm móng xây nhà trên phần đất trống giáp với đất hộ bà C thì xảy ra tranh chấp giữa gia đình ông và gia đình ông Ph. UBND xã Tr1 đến giải quyết, ông mới biết bản đồ địa chính năm 1996 có ngõ đi chung rộng khoảng 02 mét dài 51 mét. Sau khi UBND xã Tr1 có báo cáo lên UBND huyện Tr, đến cuối năm 2013 gia đình ông tiếp tục xây dựng nhà trên phần móng cũ. Nay ông đề nghị Tòa án xác nhận diện tích đất đang có tranh chấp có chiều rộng từ 0,7m đến 1m chiều dài 37m thuộc quyền sử dụng của gia đình ông. Đề nghị gia đình ông Ph không được lấn chiếm diện tích đất trên để sử dụng làm ngõ đi.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, bị đơn là ông Phạm Văn Ph, đại diện theo ủy quyền của ông Ph, anh Phạm Văn Tr2 trình bày: Gia đình ông Ph sử dụng thửa đất số 65 tờ bản đồ số 9 có diện tích 652m² trong đó đất ở 200m², đất vườn tạp 252m², ao nuôi cá 200m² được UBND huyện Tr cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ngày 13/12/1997 mang tên hộ ông Phạm Văn Ph. Thửa đất của gia đình ông Ph giáp với thửa đất số 128 tờ bản đồ số 8 của gia đình ông Phạm Văn V, giữa hai thửa đất có một ngõ đi chung. Nguồn gốc từ trước năm 1945 đã hình thành ngõ đi chung của hai gia đình là cụ Phạm Văn Ph1 và cụ Phạm Văn V1. Sau đó cụ Ph1 bán lại nhà đất cho ông Phạm Văn Đ. Năm 1977 gia đình ông Ph mua lại thửa đất của ông Đ1, hai gia đình vẫn sử dụng ngõ đi chung. Sau khi cụ V1 chết để lại nhà đất cho ông V sử dụng, gia đình ông Ph và gia đình ông V sử dụng chung ngõ đi, không có tranh chấp. Năm 2000 hộ ông Ph và hộ ông V góp tiền đổ bê tông ngõ đi chung, chiều rộng 2m, chiều dài 54m để sử dụng. Năm 2007, gia đình ông V tự ý đào ngõ đi chung để xây móng nhà lấn chiếm ngõ đi chung. Tháng 9 năm 2011, gia đình ông V tiếp tục xây nhà mái bằng trên nền móng đã xây năm 2007. Hộ ông V đã lấn chiếm sang ngõ đi chung chiều rộng khoảng 1,1m chiều dài khoảng 23m tổng diện tích khoảng 25,5m². Ông Phạm Văn Ph không đồng ý với nội dung khởi kiện của ông V. Ông có yêu cầu phản tố: đề nghị xác định ngõ đi chung có chiều rộng 2m chiều dài 54m có diện tích khoảng 108m². Ngõ đi chung thuộc quyền quản lý của Nhà nước được thể hiện trên bản đồ địa chính xã Tr1. Buộc gia đình ông V phải tháo dỡ công trình xây dựng đã lấn chiếm ngõ đi chung có chiều rộng khoảng 1,1m chiều dài 23m có diện tích khoảng 25,5m để trả lại đất ngõ đi chung đúng với bản đồ địa chính xã Tr1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Phạm Thị L trình bày: Nhất trí với nội dung ông Ph trình bày trên. Bà Phạm Thị C có lời khai như ông V trình bày.

Ngày 22/6/2022 Toà án nhân dân huyện Tr xác minh hồ sơ địa chính xã Tr1 xác định: Theo bản đồ năm 1985, ngõ đi chung được thể hiện trên bản đồ có chiều rộng khoảng 4m, chiều dài khoảng 50m, là ngõ đi chung của hộ ông Viễn, ông Thịnh, ông Rao. Bản đồ năm 1992 ngõ đi chung vẫn thể hiện chiều rộng 4m, phần phía trong ngõ giáp hộ ông V1 có chiều rộng 3m chiều dài 50m. Bản đồ năm 1996 đất đai có sự điều chỉnh, UBND xã cấp một phần đất hai lúa cho hộ ông Th và hộ ông V do vậy hai hộ có diện tích đất tăng lên so với bản đồ 1985, 1992. Hộ ông V và hộ cụ V1 chung thửa 128 tờ bản đồ số 8 tăng từ 2009m² đất lên 2245m² đất. Diện tích chiều rộng ngõ đi chung giảm xuống còn khoảng 1,6m - 1,8m; chiều dài khoảng 50m. Ngõ này chỉ có 03 hộ sử dụng là hộ cụ V1, ông V, ông Ph. Năm 2008 ông V xây dựng nhà trên đất được cấp thêm. Quan điểm của UBND xã Tr1 đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/6/2022 theo yêu cầu của ông V, Toà án nhân dân huyện Tr đã thành lập hội đồng thẩm định, đo đạc toàn bộ thửa đất 128 của hộ cụ V1, ông V và diện tích đất ngõ đang có tranh chấp. Kết quả thửa đất 128 tờ bản đồ số 8 hộ cụ V1 và

ông V vẫn đủ 2.245m² như bản đồ địa chính và hồ sơ địa chính xã Tr1, diện tích đất ngõ đi đang tranh chấp có diện tích 70,3m², Cạnh Bắc rộng nhất là 1,8 mét; phần hẹp nhất tại đốc phía sau nhà mái bằng của ông V rộng 0,76 mét, cạnh Nam giáp đốc nhà cụ V1 rộng 1,5 mét. Chiều dài ngõ đi là 53,7 mét. Phần mái tôn gia đình ông V lợp trên phần đất ngõ đi là 06m².

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xác nhận diện tích đất đang có tranh chấp có chiều rộng từ 0,7m đến 1m chiều dài 37m thuộc quyền sử dụng của gia đình ông được ghi nhận trong giấy chứng nhận QSD đất của gia đình ông. Đề nghị gia đình ông Ph không được lấn chiếm diện tích đất trên để sử dụng làm ngõ đi. Kết quả đo đạc hiện trạng đất thể hiện đất của gia đình ông vẫn đủ là đo cả phần đất phía sau nhà do gia đình ông lấn chiếm đất nương, theo trích lục bản đồ 1996 do ông Hoàng Văn T cán bộ địa chính xã cung cấp ngày 13/02/2008 ghi kích thước các cạnh đông, tây, nam, bắc, trong đó ghi số cạnh phía Nam là 6,3m. Như vậy diện tích đất cạnh phía Nam của gia đình ông là hết cả khoảng đất trống đang có tranh chấp mà bị đơn xác định đất ngõ đi chung.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông Ph: giữ nguyên yêu cầu phản tố đề nghị xác định ngõ đi chung có chiều rộng 2m chiều dài 54m có diện tích khoảng 108m². Ngõ đi chung thuộc quyền quản lý của Nhà nước được thể hiện trên bản đồ địa chính xã Tr1 từ năm 1985 cho đến nay. Năm 2000 gia đình ông Ph và gia đình ông V góp tiền đổ bê tông ngõ đi chung, chiều rộng 2m, chiều dài 54m để sử dụng, đây là ngõ đi duy nhất của ra đình ông Ph. Buộc gia đình ông V phải tháo dỡ công trình xây dựng đã lấn chiếm ngõ đi chung có chiều rộng khoảng 1,1m chiều dài 23m có diện tích khoảng 25,5m để trả lại đất ngõ đi chung đúng với bản đồ địa chính xã Tr1.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 09 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Nam Định đã quyết định: Căn cứ các Điều 254 bộ luật dân sự; Điều 166 Luật đất đai 2013; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn V về việc tranh chấp đất ngõ đi.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn Ph.

3. Giữ nguyên hiện trạng ngõ đi chung có diện tích 70,3m² các cạnh như sau: Cạnh Nam giáp đường làng (điểm 11- 15) rộng 1,8 mét; cạnh Tây giáp từ đường họ Phạm (15-20) dài 37,22 mét, giáp đất của gia đình ông Ph (20-4) dài 16,51 mét. Cạnh Đông giáp đất của gia đình ông V, cụ V1 dài 53,92 mét. Cạnh Nam giáp đốc nhà cụ V1 rộng 1,5 mét. Chiều rộng ngõ có đoạn đốc phía sau nhà mái bằng của ông V (7) rộng 0,76 mét, có sơ đồ kèm theo bản án.

4. Buộc gia đình gia đình ông V tự dỡ bỏ 06m² mái tôn đã lợp trên đất ngõ đi chung.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 20/03/2023, ông Phạm Văn V làm đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận phần đất có kích thước 0,7 m đến 1,0 m, chiều dài 37m là phần đất của gia đình ông đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1997 và xem xét toàn bộ nội dung vụ án sơ thẩm để giải quyết theo qui định của pháp luật.

Ngày 21/03/2023, ông Phạm Văn Ph làm đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án xác định ngõ đi chung thuộc quyền quản lý của Bà nước thể hiện trên bản đồ địa chính xã Tr1 diện tích 82m² có các chiều: Phía Nam giáp đường rộng 1,8m, phía Bắc giáp ông V rộng 1,5m, phía Tây giáp ông V dài 51,9m, phía Đông giáp ông Ph dài 51,3m; Buộc ông Phạm Văn V tháo dỡ công trình lấn chiếm ngõ đi chung là 11,7m² có vị trí lấn chiếm theo sơ đồ đo đạc ngày 14/9/2022.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm, giao cho Tòa án nhân dân huyện Tr xét xử lại vụ án theo thẩm quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Phạm Văn V và ông Phạm Văn Ph có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Phạm Văn V:

Về nguồn gốc đất: Căn cứ bản đồ địa chính và hồ sơ địa chính xã Tr1, huyện Tr từ năm 1985 đến nay; Thửa đất số 128 tờ bản đồ số 8, đứng tên chủ sử dụng là cụ Phạm Thị V1(mẹ ông V) và ông Phạm Văn V có tổng diện tích 2245m². Diện tích đất của ông V là 1530m², trong đó đất ở là 200m², đất vườn tạp là 1060m², ao nuôi cá là 270m². Diện tích của cụ V1 là 715m², trong đó đất ở là 180m², đất vườn tạp là 535m² đã được UBND huyện Tr cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/12/1997. Bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính xã Tr1, thể hiện cạnh phía Tây giáp thửa đất số 128 tờ bản đồ số 8 có 01 phần đất là ngõ đi do Nhà nước quản lý. Căn cứ tỷ lệ trên bản đồ địa chính 1996 diện tích ngõ đi rộng từ 1,5 mét đến 1,8

mét, dài khoảng 50 mét. Căn cứ kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất số 128 của hộ cụ V1 và ông V vẫn đủ diện tích 2.245m². Diện tích ngõ đi cạnh phía Nam giáp đường xóm rộng 1,8m, thì chiều dài ngõ đi là 53,73m, chiều rộng của ngõ hiện tại do các hộ dân sử dụng đất ngõ có sự biến động, phần hẹp nhất tại đốc phía sau nhà mái bằng của ông V rộng 0,76 mét, cạnh Bắc giáp đốc nhà cụ V1 rộng 1,5 mét. Diện tích ngõ đi là 70,3m². Ông V cho rằng kết quả đo đạc hiện trạng đất 2.245m² là đo cả phần đất phía sau nhà do gia đình Văn lấn chiếm đất nương. Đề nghị căn cứ trích lục bản đồ 1996 do ông Hoàng Văn T cán bộ địa chính xã cung cấp ngày 13/02/2008 ghi kích thước các cạnh Đông, Tây, Nam, Bắc, trong đó ghi số cạnh phía Nam là 6,3m. Theo trích lục bản đồ này, diện tích đất cạnh phía Nam của gia đình ông V có chiều rộng hết cả khoảng đất trống đang có tranh chấp là đất ngõ đi. Theo trích lục bản đồ năm 1996 do ông Hoàng Văn T cán bộ địa chính xã cung cấp ngày 13/02/2008 là không phù hợp với diện tích thực tế và đúng theo bản đồ địa chính xã Tr1 và giấy chứng nhận QSD đất ghi nhận và lưu trữ. Diện tích đất thửa 128 là 2.245m², nhưng bản đồ do ông Hoàng Văn T cán bộ địa chính xã cung cấp ngày 13/02/2008 ghi các cạnh có diện tích là 2.333m². Như vậy, phần diện tích ngõ đi chung ghi vào thửa đất 128 diện tích tăng lên 88m². Theo trích lục bản đồ này thì gia đình ông Ph không có lối đi ra đường. Công ty đo đạc Ân Khánh đã cùng cán bộ thôn, cán bộ địa chính xã thẩm định đo đạc hiện trạng theo yêu cầu của ông V và của ông Ph. Các bên đương sự đều xác định các ranh giới đất do gia đình quản lý, ông V cũng đã mời ông Th hộ liền kề cùng xác định ranh giới đất. Kết quả đo đạc, đất của gia đình ông V đang quản lý thửa 128 có diện tích là 2.246m², đất ngõ đi đang có tranh chấp có diện tích theo hiện trạng còn 70,3m², diện tích đất ngõ này vẫn được gia đình ông Ph dùng làm ngõ đi duy nhất, ngoài lối đi này gia đình ông Ph không còn lối đi nào khác. Như vậy kết quả đo đạc khảo sát thực địa phù hợp với bản đồ địa chính và hồ sơ địa chính xã Tr1 đang quản lý và lưu trữ. Từ căn cứ trên xét thấy yêu cầu của ông V là không có căn cứ pháp luật, vì đất ngõ đi là đất giao thông nông thôn thuộc quyền quản lý của Nhà nước do UBND xã Tr1 quản lý được thể hiện trong hồ sơ địa chính xã Tr1 từ năm 1985 đến nay, ngõ đi chung để cho mọi người dân và những hộ dân sinh sống trong ngõ có lối đi lại, không ai có quyền giao ngõ đi thuộc quyền quản lý của Nhà nước để cho hộ gia đình hay cá nhân nào quản lý riêng. Tại phiên tòa, ông V không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông V.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông Phạm Văn Ph: Đề nghị Tòa án xác định ngõ đi chung thuộc quyền quản lý của nhà nước thể hiện trên bản đồ địa chính xã Tr1 diện tích 82m² có các chiều: Phía Nam giáp đường rộng 1,8m, phía Bắc giáp ông V rộng 1,5m, phía Tây giáp ông V dài 51,9m, phía Đông giáp ông Ph dài 51,3m; Buộc ông Phạm Văn V tháo dỡ công trình lấn chiếm ngõ đi chung là 11,7m² có vị trí lấn chiếm theo sơ đồ đo đạc ngày 14/9/2022. HĐXX xác định nguồn gốc ngõ đi chung đã hình thành và sử dụng chung từ nhiều năm. Bản đồ địa chính năm 1985,

năm 1992, năm 1996, năm 2004 đều thể hiện phần diện tích ngõ đi chung. Tuy nhiên, quá trình sử dụng có sự thay đổi về diện tích, các gia đình đã xảy ra tranh chấp nhiều năm nhưng các cấp có thẩm quyền chưa giải quyết dứt điểm. Theo báo cáo của UBND xã Tr1 ngày 13/11/2013 thì phần diện tích ngõ đi nằm trong diện tích của gia đình ông V là 11m² và nằm trong diện tích đất của gia đình bà C 83 m². UBND xã đề nghị UBND huyện Tr xem xét giải quyết nhưng UBND huyện Tr chưa giải quyết dứt điểm. Trên thực tế thì gia đình ông V đã xây dựng nhà kiên cố, gia đình bà C đã xây dựng nhà thờ họ Phạm. Phần diện tích ngõ hiện nay không còn đủ diện tích như trong bản đồ địa chính qua các thời kỳ. UBND xã Tr1 là cơ quan có thẩm quyền quản lý ngõ đi chung có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Thời điểm gia đình bà C xây dựng nhà thờ họ Phạm thì các gia đình và UBND xã Tr1 không có ý kiến gì. HĐXX xác định không thể phá nhà kiên cố của ông V và nhà thờ họ Phạm để giải quyết ngõ đi chung được do đó không chấp nhận kháng cáo của ông Ph và công nhận phần diện tích ngõ đi theo hiện trạng đo đạc thực tế các gia đình đang sử dụng.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[5] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phạm Văn V và ông Phạm Văn Ph phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ các Điều 254 bộ luật dân sự; Điều 166 Luật đất đai 2013; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn V và ông Phạm Văn Ph. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn V về việc tranh chấp đất ngõ đi.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn Ph. Giữ nguyên hiện trạng ngõ đi chung có diện tích 70,3m² các cạnh như sau: Cạnh phía Nam giáp đường làng (điểm 11-15) rộng 1,8 mét; cạnh phía Tây giáp từ đường họ Phạm (15-20) dài 37,22 mét, giáp đất của gia đình ông Ph (20-4) dài 16,51 mét. Cạnh phía Đông giáp đất của gia đình ông V, cụ V1 dài 53,92 mét. Cạnh phía Nam giáp đốc nhà cụ V1 rộng 1,5 mét (Chiều rộng ngõ có đoạn đốc phía sau nhà mái bằng của ông V (7) rộng 0,76 mét). (Có sơ đồ kèm theo bản án).

4. Buộc gia đình gia đình ông V dỡ bỏ 06m² mái tôn đã lợp trên đất ngõ đi chung.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Phạm Văn V và ông Phạm Văn Ph phải nộp mỗi người 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Ông V đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0002240 ngày 20/03/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tr được đối trừ. Ông Ph đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0002242 ngày 22/03/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tr được đối trừ.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Tr;
- Chi cục THADS huyện Tr;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Anh Tuấn

Số: 09/2023/QĐ-SCBSBA

Nam Định, ngày 09 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN PHÚC THẨM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do lỗi rõ ràng về chính tả trong bản án số 86/2023/DS-PT ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã xét xử phúc thẩm vụ án dân sự về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất, giữa:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1963. Trú tại: Xóm 2 (thôn H), xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định.

Đại diện uỷ quyền của ông V: Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1991 là con trai ông V.

Bị đơn: Ông Phạm Văn Ph, sinh năm 1961. Trú tại: Xóm 2 (thôn H), xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định.

Đại diện theo uỷ quyền của ông Ph: Anh Phạm Văn Tr2, sinh năm 1978. Trú tại: Thôn V, xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ph: Bà Phạm Thị N, Luật sư Văn phòng Luật sư M, Đoàn Luật sư tỉnh Nam Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị C, sinh năm 1964. Đại diện theo uỷ quyền của bà C: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1963. Trú tại: Xóm 2 (thôn H), xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định.

- Bà Phạm Thị L, sinh năm 1962. Trú tại: Xóm 2 (thôn H), xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định.

- Uỷ ban nhân dân xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Nam Định; Người đại diện: Ông Nguyễn Văn H- Chủ tịch UBND xã Tr1.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 86/2023/DS-PT ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định như sau:

Tại dòng thứ 03 từ trên xuống trang 08 của bản án đã ghi:

“3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn Ph. Giữ nguyên hiện trạng ngõ đi chung có diện tích 70,3m² các cạnh như sau: Cạnh phía Nam giáp đường làng (điểm 11-15) rộng 1,8 mét; cạnh phía Tây giáp từ đường họ Phạm (15-20) dài 37,22 mét, giáp đất của gia đình ông Ph (20-4) dài 16,51 mét. Cạnh phía Đông giáp đất của gia đình ông V, cụ V1 dài 53,92 mét. Cạnh phía Nam giáp đốc nhà cụ V1 rộng 1,5 mét (Chiều rộng ngõ có đoạn đốc phía sau nhà mái bằng của ông V (7) rộng 0,76 mét). (Có sơ đồ kèm theo bản án).”

Nay sửa chữa như sau:

“3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn Ph. Giữ nguyên hiện trạng ngõ đi chung có diện tích 70,3m² các cạnh như sau: Cạnh phía Nam giáp đường làng (điểm 11-15) rộng 1,8 mét; cạnh phía Đông giáp từ đường họ Phạm (15-20) dài 37,22 mét, giáp đất của gia đình ông Ph (20-4) dài 16,51 mét. Cạnh phía Tây giáp đất của gia đình ông V, cụ V1 dài 53,92 mét. Cạnh phía Bắc giáp đốc nhà cụ V1 rộng 1,5 mét (Chiều rộng ngõ có đoạn đốc phía sau nhà mái bằng của ông V (7) rộng 0,76 mét). (Có sơ đồ diện tích ngõ đi chung kèm theo bản án sơ thẩm).”

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Tr;
- Chi cục THADS huyện Tr;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Anh Tuấn